

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

Bản án số: 35/2019/HNGĐ-ST

Ngày 16-8-2019

V/v "Ly hôn, yêu cầu T bố hợp đồng chuyển
nhượng quyền sử dụng đất canh tác vô hiệu "

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Nhu.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải và bà Nguyễn Thị Hồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tiến Linh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Khắc Đạo - kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 179/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2019 về việc "ly hôn, yêu cầu T bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất canh tác vô hiệu" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Văn V, sinh năm 1973;

Bị đơn: Chị Hà Thị H, sinh năm 1974;

Đều trú tại: Thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Đào Văn B, sinh năm 1975;

- Chị Phạm Thị T, sinh năm 1979;

- Chị Đào Thị H1, sinh năm 1994;

- Anh Đào Quang V1, sinh năm 1995;

Đều trú tại: Thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Đào Thị H1 và anh Đào Quang V1: Chị Hà Thị H, sinh năm 1974 (là mẹ chị H1, anh V1); trú tại: Thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- UBND huyện T, tỉnh Hải Dương

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc S- Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn N.

Anh V, chị H, anh B, chị T, ông N có mặt, ông Tiến vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn là anh Đào Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Hà Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1 vào ngày 05/9/1992. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị H nghi ngờ anh có tình cảm với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Tình trạng này kéo dài nên mâu thuẫn của vợ chồng càng trở nên trầm trọng, mặc dù sống cùng nhà nhưng anh và chị H không ai quan tâm đến ai. Anh thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H.

Về quan hệ con chung: Anh và chị H có hai con chung là Đào Thị H1, sinh ngày 22/6/1994 và Đào Quang V1, sinh ngày 16/12/1995. Cả hai con đều đã trưởng thành và có cuộc sống riêng nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh và chị H có diện tích đất 364m² đã được UBND huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 25/12/2001 tại thôn H, xã H1, huyện T; trên đất có ngôi nhà mái bằng xây dựng năm 1998; 01 công trình phụ gồm bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh xây dựng năm 2005; 01 tivi, ngoài ra còn một số vật dụng khác trong gia đình. Vì diện tích đất 364m² do anh và chị H mua của ông Phạm Văn Thưởng vào năm 1997 bằng tiền của vợ chồng nhưng UBND huyện T lại cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi là cấp cho “hộ ông Đào Văn V và bà Hà Thị H” nên anh đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 972883 do UBND huyện T cấp ngày 25/11/2001 cho “hộ ông Đào Văn V và bà Hà Thị H”, đồng thời phân chia tài sản chung của vợ chồng như anh đã kê khai.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn là chị Hà Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị thống nhất với lời khai của anh V về thời gian và điều kiện kết hôn. Còn nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra

xô xát, cãi vã. Mặt khác, anh V không vun vén kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con, chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh V không thay đổi. Tình trạng này kéo dài khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trở nên trầm trọng, mặc dù ở chung nhà nhưng chị và anh V không ai quan tâm đến ai, không hỏi han gì nhau nên anh V xin ly hôn, chị cũng nhất trí.

Về con chung: Chị và anh V có hai con chung như anh V trình bày. Vì các con đều đã trưởng thành nên chị cũng không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xác nhận chị và anh V có những tài sản chung như anh V đã trình bày. Ngoài ra vợ chồng chị còn 01 chiếc xe máy wave an pha, 03 con lợn sề (tất cả những tài sản này anh V đã bán); 4493m² đất canh tác tại tờ bản đồ 11 khu Hàm Cách, thôn H, xã H1 (thửa ruộng này anh V đã chuyển nhượng cho vợ chồng em trai là Đào Văn B và Phạm Thị T); 897m² ruộng ở thửa 764, tờ bản đồ số 13 khu Cây Bàng, thôn H, xã H1. Anh V có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, chị cũng nhất trí nhưng đề nghị chia tất cả tài sản chung của vợ chồng cho 4 người là chị, anh V và hai con là Đào Thị H1 và Đào Quang V1.

Ngoài ra chị còn đề nghị Tòa án T bổ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng diện tích 4493m² đất canh tác tại tờ bản đồ 11 khu Hàm Cách, thôn H, xã H1 giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh B, chị T vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Lý do là vì toàn bộ diện tích đất trên có nguồn gốc của vợ chồng chị (vợ chồng chị được chia và mua thêm của một số người khác nữa). Anh V đã vay tiền ngân hàng cải tạo toàn bộ 4493m² đất ruộng đó làm khu chăn nuôi, thả cá nhưng việc chăn nuôi luôn thua lỗ nên được một thời gian, anh V đã bàn với chị là bán toàn bộ diện tích đất đó để lấy tiền trả nợ, chị cũng đồng ý để anh V bán đất, anh V nói với chị là có người mua giá 600 triệu. Anh V đã đề nghị UBND xã H1 làm thủ tục chuyển nhượng đất như thế nào chị không biết, chị chỉ nhớ có một lần cán bộ địa chính xã là anh N đã đến nhà nói chuyện về việc vợ chồng anh chị bán diện tích ruộng 4493m² và đưa cho anh chị hợp đồng chuyển nhượng diện tích đất trên để anh chị ký tên. Do chị thấy anh V ký tên vào và nghĩ là bán ruộng với giá 600 triệu đồng nên chị không đọc văn bản mà cũng ký tên vào văn bản chuyển nhượng ruộng đó. Sau đó chị biết người nhận chuyển nhượng diện tích đất ruộng trên là anh Đào Văn B và chị Phạm Thị T (em anh V) với giá 208 triệu đồng, chị không đồng ý nên đã làm đơn đề nghị UBND xã H1 hủy hợp đồng mua bán ruộng giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh B. Ngày 19/10/2017, UBND xã H1 đã mời chị và anh V ra UBND xã làm việc về yêu cầu hủy hợp đồng mua bán ruộng của chị. Tại buổi làm việc đó, anh V đã hứa nếu chị đồng ý bán ruộng cho vợ chồng anh B, chị T với giá 208 triệu đồng

thì anh V sẽ trả hết nợ ngân hàng và rút bìa đỏ về nên chị nhất trí bán ruộng cho vợ chồng anh B, chị T và rút đơn không đề nghị hủy hợp đồng mua bán ruộng giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh B nữa, coi như việc mua bán đã xong. Tuy nhiên, sau khi chị đồng ý bán ruộng với giá rẻ cho vợ chồng anh B được một thời gian, anh V đã làm đơn xin ly hôn chị gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ. Chị thấy hành vi của anh V là lừa dối nhằm tẩu tán tài sản nên chị mới đề nghị Tòa án T bố giao dịch chuyển nhượng ruộng giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh B là vô hiệu do lừa dối và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là chị Đào Thị H1 và anh Đào Quang V1 ủy quyền cho mẹ là chị Hà Thị H tham gia tố tụng và toàn quyền giải quyết vụ án liên quan đến phần đất đã được UBND huyện T cấp cho “hộ gia đình ông Đào Văn V và bà Hà Thị H”. Chị H đề nghị Tòa án phân chia diện tích đất 364m² cho 04 người là chị, anh V và hai người con là chị H1 và anh V1.

Anh Đào Văn V không nhất trí yêu cầu T bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh B vô hiệu vì trước khi làm thủ tục chuyển nhượng ruộng cho vợ chồng anh B, anh đã bàn bạc với chị H và chị H đã đồng ý chuyển nhượng cho vợ chồng anh B với giá 208 triệu đồng. Nội dung đơn chuyển nhượng cũng ghi rõ bên nhận chuyển nhượng là anh B, chị T và giá chuyển nhượng là 208 triệu, chị H đã đọc nội dung và tự nguyện ký vào bên chuyển nhượng, không có việc chị H không biết là chuyển nhượng ruộng cho vợ chồng anh B. Sau khi chị H có đơn đề nghị hủy chữ ký, UBND xã H1 đã làm việc với chị H, tại buổi làm việc đó chị H lại tiếp tục thể hiện đồng ý chuyển nhượng ruộng cho vợ chồng anh B với giá 208 triệu đồng và yêu cầu anh phải có trách nhiệm trả nợ ngân hàng và lấy sổ đỏ thế chấp ở ngân hàng về. Sau khi nhận tiền của anh B, anh đã trả hết nợ cho ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng về. Giấy này hiện do chị H đang giữ. Sau đó, do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên anh xin ly hôn chị H, việc chị H nói anh lừa dối chị H để chuyển nhượng ruộng cho vợ chồng anh B là không đúng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Văn B và chị Phạm Thị T xác định anh V, chị H đã tự nguyện chuyển nhượng cho vợ chồng anh chị 4493m² ruộng, thủ tục chuyển nhượng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật, vợ chồng anh V, chị H cùng thống nhất và ký tên vào đơn xin chuyển nhượng (trong đơn thể hiện rõ tên người mua, người bán và số tiền phải trả), có sự chứng thực của UBND xã. Anh chị đã trả đủ tiền cho vợ chồng anh V, chị H (anh V là người trực tiếp nhận) và sử dụng ruộng từ tháng 9/2017 đến nay. Chị

H đề nghị T bỏ giao dịch chuyển nhượng đất giữa vợ chồng chị H và vợ chồng anh chị vô hiệu là không có căn cứ, anh chị không đồng ý.

Tại biên bản xác minh ngày 15/3/2018, đại diện lãnh đạo UBND xã H1, cán bộ địa chính xã (ông Nguyễn Văn N) cung cấp: Năm 2004, sau khi thực hiện việc dồn điền đổi thửa, vợ chồng anh Đào Văn V và chị Hà Thị H được giao 1440m² ruộng ở 06 xứ đồng. Năm 2009, cụ Nguyễn Thị Khuyên (là bà nội anh V) cho anh V 912m² ruộng, trong đó có 192m² đất ruộng thờ cúng liệt sỹ và 720m² là tiêu chuẩn ruộng của cụ Khuyên. Sau đó anh V đã đổi để lấy thửa ruộng số 763, 764 tờ bản đồ số 13, diện tích 897m² ở xứ đồng Cây Bàng. Tháng 11/2014, vợ chồng anh V, chị H mua thêm ruộng của một số hộ dân khác và được giao thêm ruộng với tổng diện tích tăng thêm là 4423m². Sau khi địa phương thực hiện dồn điền, đổi thửa lần 2, vợ chồng anh V được sử dụng 02 thửa ruộng gồm: 01 thửa ở xứ đồng Ao Thuyền có diện tích 1471m² và 01 thửa ở khu đồng Hàm Cách diện tích 4493m²; đối với thửa ruộng có nguồn gốc của cụ Nguyễn Thị Khuyên cho anh V là 897m² vẫn giữ nguyên ở vị trí cũ (vì địa phương mới dồn điền đổi thửa nên các thửa ruộng mới này chưa có số lô, số thửa, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Ngày 26/11/2014, vợ chồng anh V, chị H chuyển nhượng thửa ruộng 1471m² ở khu Ao Thuyền cho vợ chồng anh Đào Văn Hiệp. Đến ngày 09/10/2017, vợ chồng anh V tiếp tục chuyển nhượng thửa ruộng 4493m² ở khu Hàm Cách cho vợ chồng anh Đào Văn B. Thủ tục chuyển nhượng ruộng giữa vợ chồng anh V và vợ chồng anh B được thực hiện đúng quy định, cụ thể: Ngày 09/10/2017, vợ chồng anh V, chị H có đơn xin chuyển nhượng diện tích ruộng 4493m² cho vợ chồng anh B, chị T. Các bên đã ký vào đơn và nhận tiền, nhận ruộng đầy đủ, UBND xã H1 cũng đã chứng thực việc chuyển nhượng vào đơn. Đến ngày 16/10/2017, chị H có đơn xin rút lại chữ ký tại đơn xin chuyển quyền sử dụng đất ngày 09/10/2017. Đến ngày 19/10/2017, chính quyền địa phương đã mời hai gia đình đến UBND xã làm việc liên quan đến đơn của chị H. Tại buổi làm việc này, chị H đã đồng ý việc chuyển nhượng ruộng cho vợ chồng anh B (chị H có đơn xin giữ nguyên nội dung và chữ ký tại đơn xin chuyển nhượng ruộng ngày 09/10/2017) và yêu cầu anh V phải trả nợ cho ngân hàng, đồng thời lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp ở ngân hàng về. Đến nay anh V đã trả nợ xong và xóa thế chấp tại ngân hàng, còn vợ chồng anh B, chị T đã sử dụng 4493m² ruộng từ đó đến nay.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 05/11/2018, anh Đào Văn V có đơn đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 972883 do UBND huyện T cấp ngày 25/11/2001 cho “hộ ông Đào Văn V và bà Hà Thị H”, thửa

đất số 133, tờ bản đồ số 22, diện tích 364m² tại thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương nên Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã quyết định chuyển vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương để giải quyết theo thẩm quyền. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã thụ lý và đang giải quyết vụ án. Tuy nhiên, đến ngày 03/6/2019, anh Đào Văn V có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn và rút yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương quyết định chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ để giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ tiếp tục ghi lời khai của các đương sự. Tại biên bản ghi lời khai ngày 11/7/2019, nguyên đơn là anh Đào Văn V khẳng định vẫn giữ nguyên quan điểm rút yêu cầu khởi kiện đối với phần chia tài sản chung của vợ chồng và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; còn về quan hệ hôn nhân, anh xác định không còn tình cảm với chị H nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H, ngoài ra anh không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề gì khác. Bị đơn là chị Hà Thị H (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thị H1 và anh Đào Quang V1) nhất trí với quan điểm của anh V về việc không đề nghị Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung của vợ chồng và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các tài sản chung của vợ chồng chị sẽ để lại cho con. Còn đối với yêu cầu xin ly hôn, chị thay đổi quan điểm không đồng ý ly hôn anh V với lý do mặc dù chị và anh V không còn tình cảm với nhau nhưng nay chị đã nhiều tuổi rồi, cũng không có nguyện vọng xây dựng gia đình mới nên không cần ly hôn, anh V sống với ai chị không quan tâm, song chị không ly hôn để anh V không có điều kiện kết hôn với người khác, không muốn anh V được toại nguyện theo ý anh ấy. Chị vẫn giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án T bố hợp đồng chuyển nhượng ruộng giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh Đào Văn B vào ngày 09/10/2017 vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Tòa án đã tiến hành các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải vụ án và tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng chị H không đến tham gia nên vụ án không tiến hành H giải được. Anh V xác định chị H nhiều lần cố tình không đến Tòa án làm việc để gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên anh đề nghị Tòa án không tiến hành H giải vụ án ly hôn giữa anh và chị H nữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Đào Văn B và chị Phạm Thị T cũng đề nghị không H giải đối với yêu cầu T bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Do đó, Tòa án không tiếp tục tiến hành H giải vụ án ly hôn giữa anh V và chị H nữa.

Tại phiên toà, anh V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn chị H, chị H không đồng ý ly hôn và đề nghị HĐXX T bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa chị và anh V với vợ chồng anh B vô hiệu, đồng thời giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Anh B, chị T không đồng ý T bố giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh chị và vợ chồng anh V, chị H vô hiệu.

Người làm chứng là ông Nguyễn Văn Nguyên khẳng định vì anh V đề nghị UBND xã làm thủ tục chuyển nhượng 4493m² ruộng của vợ chồng anh chị cho vợ chồng anh B và chị H không trực tiếp đến UBND xã làm thủ tục được nên ngày 09/10/2017, ông đã mang đơn đề nghị chuyển nhượng ruộng đã soạn thảo sẵn đến nhà anh V, chị H, ông cũng thông báo các nội dung trong đơn đó cho anh V, chị H nghe, anh chị đều đồng ý, không có ý kiến gì và tự nguyện ký tên vào đơn. Các thủ tục chuyển nhượng ruộng đều làm đúng quy định của pháp luật, không có việc anh V lừa dối chị H trong việc chuyển nhượng ruộng cho vợ chồng anh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm xác định việc Toà án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của anh Đào Văn V và chị Hà Thị H là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Quá trình xây dựng hồ sơ, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ của mình, bị đơn cơ bản thực hiện đúng quyền - nghĩa vụ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, các điều 116, 117, 118, 119, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự; các Điều 217, 218, 244, 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: về quan hệ hôn nhân, xử cho anh V ly hôn chị H; đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn giữa anh V và chị H; đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện T cấp cho hộ ông Đào Văn V và bà Hà Thị H; Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H về việc yêu cầu T bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng ruộng giữa anh V, chị H với vợ chồng anh B vô hiệu; về án phí: buộc anh V phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn, anh V được trả lại tạm ứng án phí chia tài sản chung, chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét

đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc rút yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của anh Đào Văn V: Cùng với việc xin ly hôn, anh Đào Văn V còn đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 972883 do UBND huyện T cấp ngày 25/11/2001 cho “hộ ông Đào Văn V và bà Hà Thị H”, thửa đất số 133, tờ bản đồ số 22, diện tích 364m² tại thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ đã thụ lý các yêu cầu trên của anh V theo quy định của pháp luật và chuyển vụ án lên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương để giải quyết theo thẩm quyền. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, anh V có đơn đề nghị rút các yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã chuyển vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ giải quyết. HĐXX thấy việc rút yêu cầu của anh V chưa được Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đình chỉ giải quyết và việc rút yêu cầu này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc; bị đơn là chị Hà Thị H (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đào Thị H1 và anh Đào Quang V1) nhất trí với việc rút các yêu cầu khởi kiện trên của anh V, chị H cũng không đề nghị Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng nên HĐXX chấp nhận việc rút yêu cầu khởi kiện của anh V, đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 972883 do UBND huyện Tứ Kỳ cấp ngày 25/11/2001 cho “hộ ông Đào Văn V và bà Hà Thị H” theo quy định tại khoản 2 Điều 244, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nếu sau này anh V, chị H lại có yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Văn V và chị Hà Thị H kết hôn với nhau vào ngày 05/9/1992 trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã H1 đăng ký và cấp giấy chứng nhận kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh V trình bày trong cuộc sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị H nghi ngờ anh ngoại tình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, mặc dù sống cùng nhà nhưng không ai quan tâm đến ai; còn chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do anh V đi ngoại tình (mặc dù chị không có chứng cứ chứng minh), không vun vén kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con. Điều này chứng tỏ giữa anh V và chị H bất đồng quan điểm sống lớn, không có niềm tin đối với nhau, đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả anh V và chị H đều xác định anh

chị không còn tình cảm với nhau nhưng anh V xin ly hôn, ban đầu chị H đồng ý ly hôn nhưng sau đó thay đổi quan điểm, không đồng ý ly hôn để anh V không có điều kiện kết hôn với người khác, không để anh V được toại nguyện. Hội đồng xét xử thấy mặc dù chị H không đồng ý ly hôn nhưng bản thân chị khẳng định chị không còn tình cảm với anh V nữa và thực tế chị H không có biện pháp gì để cải thiện mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh V. Hơn nữa, lý do chị H không đồng ý ly hôn vì không muốn anh V được toại nguyện và có điều kiện kết hôn với người khác là không chính đáng, thể hiện sự gây khó khăn cho anh V chứ không phải mong muốn vợ chồng về đoàn tụ cùng nhau nên không có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hôn nhân của anh V và chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh V, xử cho anh V được ly hôn chị H.

[3] Về yêu cầu T bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 4493m² đất ruộng giữa anh V, chị H với anh B, chị T vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, căn cứ biên bản xác minh tại UBND xã H1 thì nguồn gốc diện tích 4493m² đất ruộng có một phần là tiêu chuẩn ruộng của vợ chồng anh V và chị H được nhà nước giao, còn phần lớn là do anh chị mua của các hộ dân khác và ở nhiều xứ đồng khác nhau. Năm 2014, sau khi địa phương thực hiện dồn điền, đổi thửa, các thửa ruộng của anh chị đã được dồn lại thành thửa có diện tích 4493m² tại khu đồng Hàm Cách, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vì địa phương mới thực hiện việc dồn điền, đổi thửa nên diện tích ruộng trên chưa có số lô, số thửa, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng xác định diện tích 4493m² thuộc quyền sử dụng hợp pháp của anh V và chị H.

[4] Cả anh V và chị H đều khẳng định, do chẵn nuôi thua lỗ, nợ tiền của Ngân hàng nên anh chị đã thống nhất bán diện tích 4493m² ruộng cho người khác. Tuy nhiên, chị H cho rằng anh V đã lừa dối chị để bán thửa ruộng trên cho vợ chồng em trai là anh Đào Văn B và chị Phạm Thị T với giá rẻ (208 triệu đồng), thể hiện ở việc anh V nói bán diện tích ruộng 4493m² với giá 600 triệu đồng nhưng lại lập hợp đồng chuyển nhượng đất cho vợ chồng em trai là Đào Văn B và Phạm Thị T với giá 208 triệu đồng. Xét văn bản “đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ghi ngày 09/10/2017 thì thấy: Mặc dù tên của văn bản là “đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất” nhưng nội dung thể hiện đầy đủ việc thỏa thuận, giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất (như các thông tin về bên chuyển nhượng, bên nhận chuyển nhượng, tài sản chuyển nhượng, giá chuyển nhượng, hình thức thanh toán...), do đó xác định đây là hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Trong hợp đồng có đầy đủ chữ ký của bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng, có xác nhận (chứng thực) của chính quyền địa phương nên đảm bảo về hình thức của giao dịch dân sự. Các

bên tham gia giao dịch gồm bên chuyển nhượng là anh V, chị H và bên nhận chuyển nhượng là anh B, chị T đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Cả anh V, anh B, chị T đều trình bày và khẳng định các bên đều hoàn toàn tự nguyện trong việc lập hợp đồng chuyển nhượng diện tích 4493m² ruộng này. Lời trình bày của các đương sự phù hợp với biên bản xác minh tại UBND xã về quá trình chuyển nhượng ruộng giữa các bên, phù hợp với lời trình bày của người làm chứng là ông Nguyễn Văn Nguyên - cán bộ địa chính xã H1.

[5] Chị Hà Thị H cho rằng chị bị anh V lừa dối trong việc chuyển nhượng ruộng cho vợ chồng anh B, chị T nhưng bản thân chị H cũng thừa nhận khi cán bộ địa chính đưa văn bản chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/10/2017 cho chị đọc nhưng chị không đọc mà ký tên luôn vào bên chuyển nhượng, việc chị ký tên là tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau đó, chị không đồng ý với việc chuyển nhượng ruộng của vợ chồng chị cho vợ chồng anh Đào Văn B và chị Phạm Thị T với giá 208 triệu đồng vào ngày 09/10/2017 nên đã đề nghị UBND xã H1 hủy chữ ký của chị trong hợp đồng này. Tuy nhiên, tại buổi làm việc ngày 19/10/2017 ở UBND xã H1, chị H đã nhất trí chuyển nhượng 4493m² ruộng cho vợ chồng anh B, chị T với giá 208 triệu đồng, xác nhận việc mua bán đã xong và yêu cầu anh V phải có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng về cho chị, chị đã tự nguyện rút lại đơn yêu cầu hủy chữ ký trong hợp đồng. Sau đó, anh V đã trực tiếp nhận tiền của vợ chồng anh B và trả nợ Ngân hàng, đồng thời đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng thế chấp ở Ngân hàng về. Do đó, trong việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất này không có hành vi cố ý của anh V hoặc vợ chồng anh B nhằm làm cho chị H hiểu sai lệch về chủ thể, tính chất của đối tượng hoặc nội dung của giao dịch dân sự nên đã xác lập giao dịch đó. Vì vậy, chị H cho rằng anh V đã lừa dối chị để chuyển nhượng 4493m² ruộng ở thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương cho vợ chồng anh B là không có căn cứ.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 09/10/2017 giữa vợ chồng anh Đào Văn V, chị Hà Thị H và vợ chồng anh Đào Văn B, chị Phạm Thị T được giao kết tự nguyện, tuân thủ quy định của pháp luật về hình thức, nội dung không trái pháp luật nên theo quy định tại các điều 116, 117, 122, 127, 132, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự, không có căn cứ xác định hợp đồng trên vô hiệu như lời trình bày của chị Hà Thị H.

[7] Về án phí: Anh V là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật. Vì yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn được đình chỉ nên anh V được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; yêu

cầu T hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu của chị H không được chấp nhận nên chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 116, 117, 122, 127, 132, 500, 501, 502 Bộ luật dân sự; Điều 217, Điều 218, khoản 2 Điều 244, khoản 1, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về việc mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Văn V, xử cho anh Đào Văn V ly hôn chị Hà Thị H.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị H về việc yêu cầu T bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng 4493m² đất tại khu đồng Hàm Cách, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương giữa anh Đào Văn V, chị Hà Thị H với anh Đào Văn B, chị Phạm Thị T lập ngày 09/10/2017 vô hiệu.

3. Đình chỉ giải quyết các yêu cầu sau của anh Đào Văn V:

3.1. Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn giữa anh Đào Văn V và chị Hà Thị H.

Anh V, chị H có quyền khởi kiện lại để giải quyết yêu cầu này theo quy định của pháp luật.

3.2. Đình chỉ yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 972883 do UBND huyện T cấp ngày 25/11/2001 cho “hộ ông Đào Văn V và bà Hà Thị H”, thửa đất số 133, tờ bản đồ số 22, diện tích 364m² tại thôn H, xã H1, huyện T, tỉnh Hải Dương.

4. Về án phí: Anh Đào Văn V phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh V đã nộp là 10.450.000 (mười triệu, bốn trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0002104 ngày 22/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ. Anh V được trả lại 10.150.000 (mười triệu, một trăm năm mươi nghìn) đồng.

Chị Hà Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2016/0003133 ngày 06/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị H1, anh V1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày T án sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H1, huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Hương Nhu